

Số: 663/KH-CĐCĐ

Sóc Trăng, ngày 31 tháng 8 năm 2023

**KẾ HOẠCH**  
**Đào tạo ngành, nghề cao đẳng Điều dưỡng K17**  
**khóa học: 2023 - 2026**

- 1. Nghề đào tạo:** Điều dưỡng (Nursing) Mã nghề: 6720301
- 2. Trình độ đào tạo:** Cao đẳng
- 3. Đối tượng tuyển sinh:** Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
- 4. Mục tiêu đào tạo:**

**4.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo người điều dưỡng trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề điều dưỡng ở trình độ cao đẳng, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Người điều dưỡng thực hành nghề nghiệp theo quy định của nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân; hành nghề theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, trung thực, khách quan, thận trọng trong nghề nghiệp, tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp.

**4.2. Mục tiêu cụ thể**

**4.2.1. Kiến thức**

- Trình bày được các kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để giải thích nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và hướng điều trị người bệnh để lập kế hoạch chăm sóc người bệnh;
- Phân tích được về dược lý, dinh dưỡng, tâm lý con người, kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành chăm sóc người bệnh;
- Giải thích được quá trình dược động học của thuốc, tác dụng của thuốc, quy chế sử dụng thuốc để sử dụng thuốc hợp lý và an toàn;
- Trình bày được kiến thức về vi ký sinh để xác định các nguyên nhân gây bệnh, nguồn lây nhiễm để lập kế hoạch phòng bệnh;
- Giải thích được quy trình tiếp nhận người bệnh vào viện và hướng dẫn được cho người bệnh các thủ tục, giấy tờ cần thiết cho người bệnh ra viện;
- Phân tích được được đặc điểm tâm lý từng người bệnh để lựa chọn phương pháp giao tiếp và tư vấn sức khỏe phù hợp;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.



#### 4.2.2. Kỹ năng

- Nhận định được tình trạng người bệnh và đưa ra các chẩn đoán điều dưỡng phù hợp cho người bệnh;
- Phân loại được người bệnh đến khám và cấp cứu, xác định được vấn đề ưu tiên để đưa ra hướng xử trí phù hợp;
- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh;
- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và chuyên ngành;
- Phụ giúp được bác sĩ thực hiện các thủ thuật trên người bệnh;
- Thực hiện việc sơ cứu, cấp cứu ban đầu các trường hợp cấp cứu tại cộng đồng;
- Quản lý trang thiết bị y tế, vật tư tiêu hao, thuốc, hồ sơ, sổ sách;
- Theo dõi, đánh giá tình trạng, ghi chép những diễn biến hàng ngày của người bệnh, phát hiện và báo cáo các diễn biến bất thường của người bệnh;
- Giao tiếp lịch sự, thân thiện với người bệnh;
- Tư vấn và giáo dục sức khỏe cho người bệnh, thân nhân người bệnh và cộng đồng;
- Tham gia phát hiện sớm các bệnh dịch tại địa phương và đề xuất các biện pháp phối hợp phòng chống dịch và bảo vệ môi trường sức khỏe;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

#### 4.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.
- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.
- Tuân thủ đúng các quy định về y đức, các quy chế chuyên môn, các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực điều dưỡng và các quy trình kỹ thuật của ngành y tế.
- Thận trọng, tỉ mỉ, tự chịu trách nhiệm với kết quả công việc của cá nhân và của nhóm.

#### 4.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Điều dưỡng phòng khám;
- Điều dưỡng chăm sóc;
- Điều dưỡng cộng đồng.

#### 4.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ

Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

**5. Khóa học:** Khóa 17 (Điều dưỡng 1\_K17; Điều dưỡng 2\_K17)

**6. Thời gian khóa học:** 3 năm (từ tháng 09/2023 đến tháng 09/2026).

**7. Thời gian học tập:** 126 tuần. Trong đó:

- Thời gian học tập: 36 tuần x 3 năm = 108 tuần
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học/mô-đun: 6 tuần x 3 năm = 18 tuần.

**8. Thời gian khai, bế giảng, nghỉ lễ, nghỉ hè và dự phòng:** 26 tuần.

- Thời gian nghỉ hè: 6 tuần x 2 năm = 12 tuần
- Thời gian nghỉ tết: 2 tuần x 3 năm = 6 tuần
- Thời gian cho các hoạt động khác (dự trữ, nghỉ lễ, sinh hoạt chính trị, khai giảng, bế giảng): 8 tuần

**9. Quyết định phê duyệt chương trình:** Ban hành kèm theo Quyết định số 673/QĐ-CĐCĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng)

### I. LỊCH HỌC TOÀN KHÓA

Tháng	Từ tháng 09/2023 – 09/2029												
Tuần	1	2	3	4	5	.....	...	....	48	49	50	51	52
Năm học	2023 - 2024; 2024 - 2025; 2025 - 2026;												
I	x	x	x	x	x	.....	...	....	x	x	x	x	x
II	x	x	x	x	x	.....	...	....	x	x	x	x	x
III	x	x	x	x	x	.....	...	....	x	x	x	x	x

## II. PHÂN BỐ THỜI GIAN HỌC TẬP

TT	Mã MH	Tên môn học	Tín chỉ	Số giờ			Kế hoạch giảng dạy						
				Tổng số	Trong đó		Năm 1		Năm 2		Năm 3		
					LT	TH/ TL/ TN/ BTL	Thi/ KT	Học kỳ 1 (giờ)	Học kỳ 2 (giờ)	Học kỳ 3 (giờ)	Học kỳ 4 (giờ)	Học kỳ 5 (giờ)	Học kỳ 6 (giờ)
1	CT011	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5	I					
2	PL001	Pháp luật	2	30	18	10	2	I					
3	TH001	Tin học	3	75	15	58	2	I					
4	TA011	Tiếng Anh 1	2	60	21	36	3	I					
5	C301DD02	Giải phẫu - Sinh lý	3	60	30	27	3	I					
6	C301DD03	Hoá sinh	3	60	30	27	3	I					
7	C301DD04	Vi sinh - Ký sinh trùng	3	60	30	27	3	I					
8	C301DD08	Điều dưỡng cơ sở 1	5	105	45	55	5	I					
9	QP011	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3	75	36	35	4		II				
10	TA012	Tiếng Anh 2	2	60	21	36	3		II				
11	TC001	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4		II				
12	C301DD05	Sinh lý bệnh	2	30	28	0	2		II				
13	C301DD06	Dược lý	3	45	42	0	3		II				
14	C301DD07	Dinh dưỡng - Tiết chế	2	30	28	0	2		II				
15	C301DD09	Điều dưỡng cơ sở 2	4	90	30	56	4		II				

TT	Mã MH	Tên môn học	Tin chỉ	Số giờ			Kế hoạch giảng dạy						
				Tổng số	Trong đó		Năm 1		Năm 2		Năm 3		
					LT	TH/ TL/ TN/ BTL	Thi/ KT	Học kỳ 1 (giờ)	Học kỳ 2 (giờ)	Học kỳ 3 (giờ)	Học kỳ 4 (giờ)	Học kỳ 5 (giờ)	Học kỳ 6 (giờ)
16	C301DD11	Dịch tễ và các bệnh truyền nhiễm	2	30	28	0	2		II				
17	C301DD01	Tiếng Anh chuyên ngành	2	45	15	28	2			III			
18	C301DD10	Sức khỏe - Môi trường và vệ sinh	2	30	28	0	2			III			
19	C301DD12	Tổ chức Y tế và Y đức	2	30	28	0	2			III			
20	C301DD13	Kiểm soát nhiễm khuẩn	2	30	28	0	2			III			
21	C301DD14	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa	3	45	42		3			III			
22	C301DD15	Thực tập chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa	4	180		176	4			III			
23	C301DD16	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa	3	45	42		3			III			
24	C301DD17	Thực tập chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa	4	180		176	4			III			
25	C301DD28	Quản lý điều dưỡng	2	30	28		2			III			
26	C301DD18	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	3	60	30	27	3				IV		
27	C301DD19	Thực tập chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	4	180		176	4				IV		
28	C301DD20	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	3	45	42		3				IV		
29	C301DD21	Thực tập chăm sóc sức khỏe trẻ em	4	180		176	4				IV		

TT	Mã MH	Tên môn học	Tín chỉ	Số giờ			Kế hoạch giảng dạy						
				Tổng số	Trong đó			Năm 1		Năm 2		Năm 3	
					LT	TH/ TL/ TN/ BTL	Thi/ KT	Học kỳ 1 (giờ)	Học kỳ 2 (giờ)	Học kỳ 3 (giờ)	Học kỳ 4 (giờ)	Học kỳ 5 (giờ)	Học kỳ 6 (giờ)
30	C301DD22	Chăm sóc người bệnh cấp cứu & chăm sóc tích cực	2	30	28		2				IV		
31	C301DD24	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm	3	45	42		3				IV		
32	C301DD26	Chăm sóc sức khỏe người bệnh cao tuổi	2	30	28		2				IV		
33	C301DD23	Thực tập chăm sóc người bệnh cấp cứu & chăm sóc tích cực	4	180		176	4						V
34	C301DD25	Thực tập chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm	4	180		176	4						V
35	C301DD29	Y học cổ truyền	2	45	15	28	2						V
36	C301DD30	Phục hồi chức năng	2	45	15	28	2						V
37	C301DD31	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa nâng cao	2	30	28		2						V
38	C301DD32	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa nâng cao	2	30	28		2						V
39	C301DD33	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình nâng cao	2	30	28		2						V
40	C301DD34	Chăm sóc sức khỏe trẻ em nâng cao	2	30	28		2						V
41		Tự chọn 1	2	45	15	28	2						V
42		Tự chọn 2	4	120	30	86	4						V

TT	Mã MH	Tên môn học	Tín chỉ	Số giờ			Kế hoạch giảng dạy							
				Tổng số	Trong đó		Năm 1		Năm 2		Năm 3			
					LT	TH/ TL/ TN/ BTL	Thi/ KT	Học kỳ 1 (giờ)	Học kỳ 2 (giờ)	Học kỳ 3 (giờ)	Học kỳ 4 (giờ)	Học kỳ 5 (giờ)	Học kỳ 6 (giờ)	
43	C301DD27	Thực tập chăm sóc sức khỏe người bệnh cao tuổi	2	90		88	2							VI
44	C301DD35	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	2	30	28		2							VI
45	C301DD36	Thực tập chăm sóc sức khỏe cộng đồng	2	90		88	2							VI
46	C301DD37	Thực tập tốt nghiệp	6	270	0	270								VI
		<b>Thi tốt nghiệp</b>												VI
47		Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp												VI
48		Thực hành nghề nghiệp												VI
		<b>Tổng cộng</b>	<b>128</b>	<b>3.345</b>	<b>1.044</b>	<b>2.174</b>	<b>127</b>	<b>525</b>	<b>420</b>	<b>615</b>	<b>570</b>	<b>735</b>	<b>480</b>	

Kế hoạch đào tạo có thể điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế. / *V/S*

**Nơi nhận:**

- HT, các PHT (chỉ đạo);
- Các đơn thị thuộc và trực thuộc;
- Đăng website của Trường;
- Lưu: VT, TSĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỜNG**  
**CAO ĐẲNG**  
**CỘNG ĐỒNG**  
**SỨC TRĂNG**

**Nguyễn Văn Tâm**